

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/5/2022

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nhâm Đức Hùng**

2. Ông **Nguyễn Duy Khương**

- Thư ký phiên Tòa: Bà **Phan Thị Quyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Thúy Kiều** – Kiểm Sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLST- HNGĐ, ngày 27 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 14A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Quách Thị M**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố MA, thị trấn ML, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị M có mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn:* Anh **Quách Thanh B**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 28, khu phố MA, thị trấn ML, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh B có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2022, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Quách Thị M trình bày:*

Chị Quách Thị M và anh Quách Thanh B cưới nhau từ năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Qua thời gian chung sống anh chị có một người con chung là cháu

Quách Hoàng Thái A, sinh ngày 15/9/2004; về tài sản chung: không có tạo lập được tài sản chung, về nợ chung: vợ chồng anh chị không có nợ ai.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Do anh B thường xuyên cờ bạc, không quan tâm gì đến gia đình và con cái, nên chị M cảm thấy vợ chồng sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, do đó chị M khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Quách Thanh B.
- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Quách Hoàng Thái A, sinh ngày 15/9/2004 và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: Chị M cam kết là trong quá trình chung sống thì anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Quách Thanh B trình bày:*

Vào năm 2003, anh và chị Quách Thị M tự nguyện quen biết và yêu thương nhau, được sự đồng ý của gia đình hai bên nên anh chị tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng hiện nay anh không có giữ giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống anh chị có người con chung là cháu Quách Hoàng Thái A, sinh ngày 15/9/2004. Về tài sản chung: không có, về nợ chung: vợ chồng anh chị không có nợ ai.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do trong quá trình chung sống anh chị bất đồng quan điểm sống nên từ đó phát sinh mâu thuẫn, anh chị không thể hàn gắn được nên hiện nay anh và chị M đã ly thân từ Tết năm 2022 đến nay.

Nay chị M yêu cầu ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Quách Thị M.
- Về con chung: Đồng ý giao cháu Quách Hoàng Thái A, sinh ngày 15/9/2004 cho chị M nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: Anh B cam kết là trong quá trình chung sống thì anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành-tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị

xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị M. Về hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quách Thị M và anh Quách Thanh B do anh B không có bất cứ văn bản, tài liệu chứng minh về lời trình bày của anh. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị M và anh B về việc giao con chung là cháu Quách Hoàng Thái A, sinh ngày 15/9/2004 cho chị M chăm sóc nuôi dưỡng và chị M không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có và không yêu cầu xem xét giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Quách Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với anh Quách Thanh B, do đó đây là quan hệ *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con”* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Đồng thời, bị đơn anh Quách Thanh B có địa chỉ cư trú tại khu phố MA, thị trấn ML, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét lời trình bày của chị Quách Thị M cho rằng chị và anh Quách Thanh B sống chung với nhau từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn là có căn cứ. Bởi vì: mặc dù anh B trình bày rằng anh và chị M có đăng ký kết hôn nhưng anh B không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc anh chị có đăng ký kết hôn. Đồng thời, theo văn bản số 54/UBND-TPHT ngày 23/02/2022 của UBND thị trấn ML, huyện CT, Kiên Giang về việc kiểm tra hộ tịch xác định anh Quách Thanh B và chị Quách Thị M từ trước đến nay không có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ML. Do đó có đủ cơ sở để khẳng định anh B và chị M chung sống với nhau mà không có đăng ký kết hôn. Như vậy, việc chị M và anh B chung sống với nhau trong thời gian từ năm 2003 đến nay mà không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Bởi theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Từ đó cho thấy mối quan hệ giữa chị Quách Thị M và anh Quách Thanh B không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị Quách Thị M và anh Quách Thanh B.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị M và anh B đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một người con chung là cháu Quách Hoàng Thái A, sinh ngày 15/9/2004 hiện nay do chị M đang nuôi dưỡng cháu A. Chị M và anh B thỏa thuận giao con chung là cháu A cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng dựa trên nguyện vọng của cháu A là muốn theo mẹ và chị M không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị M và anh B đều xác định rằng trong quá trình anh chị chung sống thì anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị M và anh B đều cam kết rằng trong quá trình anh chị chung sống thì anh chị không có nợ ai nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Quách Thị M.

[6] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng chị M được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000999 ngày 19/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Anh B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị M về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” với anh Quách Thanh B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quách Thị M và anh Quách Thanh B.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của chị Quách Thị M và anh Quách Thanh B thống nhất giao con chung là cháu Quách Hoàng Thái A, sinh ngày 15/9/2004 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị M không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết (miễn xét).

4. Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng chị M được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000999 ngày 19/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Anh B không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh